TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Số:136/2023/QĐ-CODECO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
(V/v: Bổ nhiệm Chủ nhiệm công trình)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất;
- Theo hợp đồng số 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ ký kết giữa UBND xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định với Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm Ông Trần Xuân Miễn làm chủ nhiệm công trình "Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; đăng ký đất đai, cấp GCNQSDĐ trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định".

Điều 2: Chủ nhiệm công trình chịu trách nhiệm toàn bộ trước Công ty và trước Pháp luật của Nhà nước về việc thực hiện và hoàn thành công trình (có quyền mua vật tư, thiết bị, thuê nhân công,...).

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, hết hiệu lực sau khi kết thúc công trình và hoàn thành các thủ tục thanh quyết toán theo qui định của Nhà nước. Các bộ phận chức năng và cán bộ có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT Công ty.

M.S.D.N: 0101074336 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT
Q. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

186/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vụ Bản, ngày 29 tháng 12 năm 2023

HỢP ĐỒNG

Số: 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ

Gói thầu: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

GIỮA

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THÀNH LỢI

VÀ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT 4
PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH 5
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG 5
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG 6
Điều 1. Diễn giải 6
Điều 2. Loại hợp đồng 6
Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên 6
Điều 4. Trao đổi thông tin 7
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng 7
Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: [quy định tại Điều 3 của **ĐKCT**] 7
Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn 7
Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng 7
Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn 8
Điều 10. Giá hợp đồng 8
Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn 8
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn 9
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư 10
Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có) 11
Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn 11
Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu 12
Điều 17. Bảo hiểm 12
Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng 12
Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng 13
Điều 20. Chấm dứt hợp đồng 13
Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng 15
Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn 15
Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng 15
Điều 24. Tạm ứng và thanh toán 16
Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp 16
Điều 26. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại 17
Điều 27. Điều khoản chung 17
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG 17

Điều 1. Loại hợp đồng 17
Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng 17
Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Không áp dụng 17
Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn 17
Điều 5. Giá hợp đồng 20
Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn 20
Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn 20
Điều 8. Chấm dứt hợp đồng 20
Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn 20
Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn 20
Điều 11. Tạm ứng và thanh toán 20
Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp 21
Điều 13. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại: Không áp dụng 21
Điều 14. Điều khoản chung 22

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Đại diện Chủ đầu tư (Bên A):

- Tên giao dịch: **Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi**

- Đại diện là Ông: **Lê Văn Tuyền** Chức vụ: **Chủ tịch**

- Địa chỉ: Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- Tài khoản: 9552.4.7177529 tại Kho bạc nhà nước huyện Vụ Bản

- Điện thoại02283820147

2. Đại diện nhà thầu (Bên B):

- Tên giao dịch: **Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất.**

- Đại diện là: Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: **Giám đốc**

- Địa chỉ: Số 36, Ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 84(24) 3755 0428.

- Tài khoản: 111000037499

- Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long, Hà Nội

- Mã số thuế: 0101074336

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn của Gói thầu: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi Về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán dự án: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND xã Thành Lợi về việc

phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

- Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 28/12/2023 giữa Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi với Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất;

- Quyết định số 155/QĐ-KUBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định,

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là **Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi**.

2. Nhà thầu tư vấn là **Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất**.

3. Dự án là Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

4. Gói thầu là Gói thầu: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

5. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.

6. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.

7. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.

8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn theo quy định tại **Điều 3** [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].

9. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

11. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

12. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [quy định tại Điều 1 của **ĐKCT**]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều khoản tham chiếu;

c) Điều kiện chung của hợp đồng;

d) HSMT hoặc HSYC của Chủ đầu tư;

đ) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;

e) HSDT hoặc HSĐX của Nhà thầu tư vấn;

g) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;

h) Các phụ lục của hợp đồng, nếu có;

i) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng tư vấn áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại Điều 2 của **ĐKCT**].

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: [quy định tại Điều 3 của **ĐKCT**]

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn

1. Nội dung bao gồm các công việc chủ yếu sau: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản sản phẩm của hợp đồng tư vấn gồm:

- Đo đạc bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 đất khu dân cư.

- Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Xây dựng cở sở dữ liệu địa chính.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn của hợp đồng [quy định tại Điều 4 của **ĐKCT**].

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm

1. Hợp đồng đã ký kết giữa các bên.

2. Các sản phẩm theo Thiết kế kỹ thuật - Dự toán.

3. Hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu cấp đơn vị thi công.

Điều 10. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: [quy định tại Điều 5 của **ĐKCT**].

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 11 [Điều chỉnh hợp đồng tư vấn].

2. Nội dung của giá hợp đồng

b) Nội dung của giá hợp đồng bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Chi phí khác có liên quan.

c) Giá hợp đồng tư vấn không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng

Theo đơn giá được Nhà nước quy định.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại Điều 6 của **ĐKCT**].

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại Điều 6 của **ĐKCT**].

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Đối với hợp đồng tư vấn: Tham gia nghiệm thu khối lượng công việc cùng Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật, trả lời các nội dung có liên quan đến sản phẩm tư vấn theo yêu cầu của chủ đầu tư.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết để thực hiện công việc tư vấn.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

q) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với dự án.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn.

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

2. Nhà thầu tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.

3. Nhà thầu tư vấn cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.

2. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán theo sự thống nhất giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn.

6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d).Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại Điều 8 của **ĐKCT**] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn không tuân thủ về bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Điều 6 [Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng] (nếu các bên có thỏa thuận bảo đảm thực hiện hợp đồng).

b) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại Điều 8 của **ĐKCT**] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn], hoặc [quy định tại Điều 8 của **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

d) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

đ) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại Điều 8 của **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại Điều 8 của **ĐKCT**].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại Điều 8 của **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại Điều 8 của **ĐKCT**].

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.

- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 20 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại Điều 9 của **ĐKCT**]:

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Số lần nghiệm thu [quy định tại Điều 9 của **ĐKCT**].

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng là [quy định tại Điều 10 của **ĐKCT**].

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phần công việc hoàn thành [quy định tại Điều 10 của **ĐKCT**].

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo

cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

Sau khi Hợp đồng được ký kết, Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu không quá 30% giá trị hợp đồng.

2. Thanh toán:

2.1. Thanh toán giá trị khối lượng công việc hoàn thành:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành của Nhà thầu có xác nhận của Tư vấn kiểm tra, nghiệm thu, Chủ đầu tư xem xét thanh toán cho Nhà thầu theo giá trị được nghiệm thu (bao gồm thu hồi toàn bộ giá trị đã tạm ứng).

- Việc thanh toán có thể thực hiện nhiều lần căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu và khả năng bố trí vốn của Chủ đầu tư nhưng tổng không quá 95% giá trị hợp đồng.

2.2. Thanh quyết toán công trình:

Khi có Văn bản quyết toán của cơ quan có thẩm quyền, Chủ đầu tư thanh toán 100% giá trị hoàn thành cho Nhà thầu.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

+ Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các Khoản này theo Phụ lục.

+ Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (đối với đợt quyết toán).

+ Hóa đơn tài chính tương ứng với số tiền được thanh toán.

4. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

5. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại Điều 12 của **ĐKCT**]. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài

khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại Điều 12 của **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật [quy định tại Điều 12 của **ĐKCT**] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài *(hoặc Tòa án Nhân dân)* là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: [quy định tại Điều 12 của **ĐKCT**].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 26. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

[quy định tại Điều 13 của **ĐKCT**].

Điều 27. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại Điều 14 của **ĐKCT**].

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại Điều 14 của **ĐKCT**].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Không áp dụng

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn

Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn của hợp đồng là:

Đối với công tác đo đạc bản đồ địa chính:

STT	Tài liệu giao nộp	Số lượng (bộ)	Xã	Huyện	Tỉnh
I	**Đối với lưới địa chính**				
1	Tài liệu kiểm tra, kiểm nghiệm máy móc và dụng cụ đo đạc	1			1
2	Các loại sổ đo, các tài liệu liên quan khác	1			1

STT	Tài liệu giao nộp	Số lượng (bộ)	Xã	Huyện	Tỉnh
4	Biên bản thỏa thuận sử dụng đất để chôn mốc, làm tường bảo vệ mốc địa chính; Ghi chú điểm tọa độ địa chính; Biên bản bàn giao mốc tọa độ địa chính; Thông báo về việc chôn mốc, xây tường vây điểm địa chính trên đất do UBND xã quản lý	3	1	1	1
5	Sơ đồ lưới địa chính, sau thi công trên nền bản đồ địa hình dạng giấy và dạng số	1			1
6	Tài liệu tính toán, bình sai lưới địa chính, lưới khống chế đo vẽ	1			1
7	Hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu của đơn vị thi công	2	1		1
8	Hồ sơ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu	6	5		1
II	**Đối với sản phẩm bản đồ địa chính**				
1	Tài liệu kiểm tra, kiểm nghiệm máy móc vào dụng cụ đo đạc	1			1
2	Sơ đồ lưới đo vẽ, Bảng tọa độ khống chế đo vẽ, Tài liệu tính toán, bình sai lưới khống chế đo vẽ	2		1	1
3	Sơ đồ chia mảnh bản đồ địa chính	3	1	1	1
4	Bản đồ địa chính dạng giấy và dạng số	3	1	1	1
5	Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	1	1		
6	Bảng thống kê diện tích đất đai theo hiện trạng đo đạc thành lập bản đồ địa chính	3	1	1	1
7	Bảng tổng hợp số thửa, diện tích, số chủ sử dụng, quản lý trong đơn vị hành chính theo hiện trạng đo đạc bản đồ địa chính	3	1	1	1
8	Biên bản xác nhận thể hiện ĐGHC	3	1	1	1
9	Biên bản xác nhận việc công khai bản đồ địa chính thể hiện hiện trạng sử dụng đất	3	1	1	1
10	Các loại sổ đo, các tài liệu liên quan khác	1			1
11	Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất	2		1	1
12	Sổ mục kê dạng giấy và dạng số	3	1	1	1
13	Biên bản bàn giao kết quả đo đạc thành lập bản đồ địa chính	3	1	1	1
14	Hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu của đơn vị thi công	2	1		1
15	Hồ sơ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu	6	5		1
16	Đĩa CD ghi toàn bộ sản phẩm nêu trên	3	1	1	1

Đối với công tác Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận QSD đất:

	Sản phẩm đăng ký, cấp GCN QSD đất	Tổng	Xã	Huyện	Tỉnh
1	Bản đồ địa chính sửa theo kết quả cấp GCN	4	01	01	02
2	Sổ địa chính	3	1	1	1
3	Sổ cấp GCNQSDĐ	3	1	1	1
4	Sổ theo dõi biến động đất đai	3	1	1	1
5	Hồ sơ đăng ký cấp mới, cấp đổi của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (Đơn xin đăng ký cấp GCNQSDĐ, cấp đổi GCNQSDĐ và toàn bộ các giấy tờ có liên quan đến việc xét duyệt cấp GCNQSDĐ….)	1		1	
-	Hồ sơ xét duyệt cấp GCNQSDĐ của Tổ tư vấn (Biên bản xét duyệt, Biên bản công khai và kết thúc công khai	1		1	
-	Danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ	3	1	1	1
-	Danh sách các trường hợp không đủ điều kiện sử dụng đất	3	1	1	1
-	Danh sách các trường hợp cấp đổi GCNQSDĐ	3	1	1	1
-	Tờ trình của UBND xã về việc cấp GCNQSDĐ	3	1	1	1
-	Biên bản thẩm định hồ sơ cấp GCNQSDĐ, cấp đổi của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	3	1	1	1
-	Quyết định cấp GCNQSDĐ, Quyết định thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ để cấp đổi GCNQSDĐ	3	1	1	1
-	Các Giấy tờ khác liên quan đến công tác lập hồ sơ	3	1	1	1
6	Hồ sơ KT, nghiệm thu của đơn vị thi công	7		1	6
7	Đĩa CD-Rom ghi tài liệu bản đồ, hồ sơ địa chính	3	1	1	1

Đối với công tác xây dựng cở dữ liệu địa chính.

1. File hồ sơ địa chính trên ViLIS: 01 bộ lưu (ghi trên đĩa CD lưu giữ tại trung tâm Công nghệ thông tin);

2. File tài liệu ảnh quét về hồ sơ địa chính;

3. File bản đồ địa chính trên Microstation: 01 bộ lưu (ghi trên đĩa CD lưu giữ tại trung tâm Công nghệ thông tin);

4. File các bảng biểu tổng hợp, thống kê diện tích theo từng đơn vị hành chính;

5. File báo cáo kiểm tra, nghiệm thu, báo cáo tổng kết kỹ thuật và các tài liệu kèm theo;

+ Dữ liệu không gian địa chính theo đơn vị hành chính xã theo định dạng chuẩn Geography Markup Language (GML). Yêu cầu phần mềm có chức năng xuất dữ liệu không gian địa chính ra khuôn dạng file GML;

+ Dữ liệu thuộc tính địa chính theo đơn vị hành chính xã lưu trữ theo định dạng eXtensible Markup Language (XML). Yêu cầu phần mềm có chức năng xuất dữ liệu không gian địa chính ra khuôn dạng file XML;

+ Dữ liệu địa chính dưới dạng cơ sở dữ liệu đã được thử nghiệm quản lý, khai thác, cập nhật cơ sở dữ liệu bằng phần mềm hệ thống thông tin đất đai. File được lưu trữ dưới dạng file sao lưu (backup) của hệ quản trị cơ sở dữ liệu hoặc theo quy định của phần mềm hệ thống thông tin đất đai;

+ Kho hồ sơ cấp Giấy chứng nhận dạng số lưu trữ file sao lưu (backup) của hệ quản trị cơ sở dữ liệu và các file ảnh quét. Tuy nhiên phải đảm bảo khi dữ liệu sau khi phục hồi vẫn phải đảm bảo liên kết với cơ sở dữ liệu địa chính theo đơn vị hành chính.

Điều 5. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: **4.561.847.770 đồng** *(Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm sáu mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng)*. Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng:

- Hợp đồng này được điều chỉnh giá trong trường hợp Bên A yêu cầu Bên B điều chỉnh thiết kế và/ hoặc thay đổi thông số dự án sau khi Bên B đã bắt đầu Công việc so với thông số phương án ban đầu Bên A cung cấp;

- Bất kỳ sự thay đổi phát sinh về đơn giá, hạng mục, công việc sau khi ký Hợp đồng này phải được sự thỏa thuận bằng văn bản với chữ ký của đại diện hai bên trước khi thực hiện.

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 05 ngày.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 14 ngày.

Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 14 ngày.

Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 10 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn], hoặc 14 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 14 ngày.

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 14 ngày.

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 14 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 21 ngày.

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành từng phần tương ứng với khối lượng công việc đã thực hiện và Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành công tác Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn

Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực.

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

Sau khi Hợp đồng được ký kết, Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu không quá 30% giá trị hợp đồng.

2. Tiến độ thanh toán

2.1. Thanh toán giá trị khối lượng công việc hoàn thành:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành của Nhà thầu có xác nhận của Tư vấn kiểm tra, nghiệm thu, Chủ đầu tư xem xét thanh toán cho Nhà thầu theo giá trị được nghiệm thu (bao gồm thu hồi toàn bộ giá trị đã tạm ứng).

- Việc thanh toán có thể thực hiện nhiều lần căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu và khả năng bố trí vốn của Chủ đầu tư nhưng tổng không quá 95% giá trị hợp đồng.

2.2. Thanh quyết toán công trình:

Khi có Văn bản quyết toán của cơ quan có thẩm quyền, Chủ đầu tư thanh toán 100% giá trị hoàn thành cho Nhà thầu.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

+ Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các Khoản này theo Phụ lục.

+ Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng (đối với đợt quyết toán).

+ Hóa đơn tài chính tương ứng với số tiền được thanh toán.

4. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

5. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là 14 ngày.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là 14 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại:

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.

2. Phạt hợp đồng:

- Đối với nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng thì phạt 0,5% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.

- Đối với chủ đầu tư: Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Điều 11 thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

3. Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng.

Điều 14. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm hai Bên ký kết Hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, Chủ đầu tư giữ 06 bản, Nhà thầu tư vấn giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH
PGS.TS. Trần Đình Kiên	LÊ VĂN TUYỀN

PHỤ LỤC BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số 05/2023/05/2023/HĐ-ĐĐBĐ ngày 29/12/2023)

Đơn vị: Đồng

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
1	**Lập lưới địa chính**	**Xây dựng lưới địa chính bằng công nghệ GPS**	**6**	**Điểm**	**9.613.224**	**57.679.344**
2	**Đo vẽ lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000**	Lập bản đồ địa chính	**263,42**	**Ha**		**1.258.636.847**
-	Khó khăn 1		26,68	Ha	3.584.558	95.636.007
-	Khó khăn 2		25,36	Ha	4.091.450	103.759.172
-	Khó khăn 3		211,38	Ha	5.011.078	1.059.241.668
3	**Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận QSD đất**	Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận QSD đất bằng công nghệ tin học	**4.970**	**Hồ sơ**		**2.788.784.600**
3.1	Cấp giấy chứng nhận lần đầu đồng loạt		263	Hồ sơ	572.682	150.615.366
3.2	Cấp đổi giấy chứng nhận đồng loạt		4.707	Hồ sơ		2.638.169.234
-	*Cấp đổi GCN không thay đổi về mục đích sử dụng đất, ranh giới thửa đất*		*580*	*Hồ sơ*	473.639	274.710.620
-	*Cấp đổi GCN có thay đổi về mục đích sử dụng đất, ranh giới thửa đất*		*4.127*	*Hồ sơ*	572.682	2.363.458.614
4	**Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính**	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính		**Thửa**		**456.746.979**
4.1	Thửa đất loại A		4.670	Thửa	55.329	258.386.430
4.2	Thửa đất loại E		300	Thửa	49.728	14.918.400
4.3	Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền		1	Thửa	18.544.089	18.544.089
4.4	Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin		44.430	Thửa		96.565.250
-	*Quét trang A3*		*4.670*	*Trang A4*	*3.071*	*14.341.570*
-	*Quét trang A4*		*39.760*	*Trang A3*	*2.068*	*82.223.680*

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
4.5	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)		44.430	Trang A4, Trang A3	*1.225*	54.426.750
4.6	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL		4.970	Thửa	2.798	13.906.060

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

M.S.D.N: 0101074339 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT - Q. HAI BÀ TRƯNG - TP HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Hiên

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

U.B.N.D XÃ THANH LỢI H. VỤ BẢN T. NAM ĐỊNH

CHỦ TỊCH

LÊ VĂN TUYỀN

1361/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 05.01/PLHĐ

(Về việc thay đổi thông tin hợp đồng số 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ ngày 29/12/2023)

Gói thầu: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

Căn cứ Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi Về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán dự án: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

Hợp đồng số 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ ngày 29/12/2023 giữa Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi và Công ty TNHH tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc thực hiện gói thầu: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại UBND xã Thành Lợi, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư: UBND xã Thành Lợi.

Người đại diện: **Phùng Trung Dũng** - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Thành Lợi

Địa chỉ: Xã Thành Lợi - huyện Vụ Bản – tỉnh Nam Định.

Số tài khoản: **9552.4.7177533**

Tại kho bạc Nhà nước Vụ Bản.

Mã số thuế: 0600153600

Điện thoại: 0946.218.939

2. Nhà thầu: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất.

Đại diện là: Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 36, Ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Scanned with CamScanner

Tài khoản: 111000037499 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long, Hà Nội.

Mã số thuế: 0101074336

Hai Bên cùng thống nhất ký phụ lục hợp đồng thi công xây dựng của gói thầu: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định với các điều khoản sau:

Điều 1. Điều chỉnh thông tin:

*** Thay đổi thông tin Chủ đầu tư.**

Nội dung	Theo hợp đồng số 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ ngày 29/12/2023	Nay thay đổi
Người đại diện	Ông: Lê văn Tuyền	Ông: Phùng Trung Dũng
Chức vụ	Chủ tịch UBND xã Thành Lợi	Chủ tịch UBND xã Thành Lợi
Mã số thuế	0600153600	0600153600
Số tài khoản	9552.4.7177533 Tại kho bạc nhà nước huyện Vụ Bản	9552.4.7177533 Tại kho bạc nhà nước Vụ Bản

Điều 2: Điều khoản chung

2.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Phụ lục Hợp đồng này;

2.2. Các điều khoản khác của Hợp đồng 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ đã ký ngày 29 tháng 12 năm 2023 không thuộc phạm vi điều chỉnh của phụ lục này vẫn giữ nguyên giá trị thực hiện;

2.3. Phụ lục Hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng số 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ đã ký ngày 29 tháng 12 năm 2023. Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký;

2.4. Phụ lục Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
U.B.N.D XÃ THÀNH LỢI H.VỤ BẢN T.NAM ĐỊNH	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT
CHỦ TỊCH	GIÁM ĐỐC
PHÙNG TRUNG DŨNG	PGS.TS. Trần Đình Kiên

Scanned with CamScanner

136/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
Số 05.02/PLHĐ

"Vv Điều chỉnh thời gian thực hiện Hợp đồng số 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ ngày 29/12/2023"

Công trình: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

Căn cứ Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi Về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán dự án: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

Căn cứ Nghị Quyết số 77/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 của HĐND xã Thành Lợi về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 Về việc điều chỉnh Quyết định phê duyệt Thiết kế kỹ thuật – dự toán dự án: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

Hợp đồng số 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ ngày 29/12/2023 giữa Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi và Công ty TNHH tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc thực hiện gói thầu: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định,

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại văn phòng UBND xã Thành Lợi, chúng tôi gồm:

1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu):

Tên giao dịch: **UBND xã Thành Lợi**

Đại diện là: Ông ***Phùng Trung Dũng*** Chức vụ: ***Chủ tịch UBND xã***

Địa chỉ: Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

Có tài khoản: 9552.4.7177539 tại Kho bạc Nhà nước Vụ Bản

Mã số thuế: 0600153600

2. Nhà thầu (Bên nhận thầu):

Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất.

Scanned with CamScanner

Đại diện là: Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 36, Ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tài khoản: 111000037499 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long, Hà Nội.

Mã số thuế: 0101074336.

Ngày 29/12/2023 UBND xã Thành Lợi và Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất đã thống nhất kí hết hợp đồng số 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ về việc thực hiện gói thầu: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Tuy nhiên trong thời gian thực hiện hợp đồng, có một số vấn đề phát sinh như sau:

+ Ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng: Việc sáp nhập 3 xã Tân Thành, Liên Bảo, Thành Lợi vào thành một xã là Thành Lợi vào ngày 01/9/2024 gây ảnh hưởng đến thời gian thực hiện dự án vì việc đo đạc cần sự phối hợp của trưởng thôn xóm và cán bộ địa chính xã.

+ Ảnh hưởng của cơn bão Yagi năm 2024 ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng và tiến độ thực hiện dự án.

Điều 1. Điều chỉnh thông tin:

Điều chỉnh Điều 23 (điều kiện chung) và Điều 10 (ĐKCT) của Hợp đồng số 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ ngày 29/12/2023: Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng như sau:

**** Theo Hợp đồng số 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ ngày 29/12/2023:***

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng là Theo tiến độ của nhà thầu thực hiện công việc Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi với tổng thời gian là 369 ngày.

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phần công việc hoàn thành: Dự kiến hoàn thành ngày 31/12/2024

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 369 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**** Nay thay đổi:***

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng là Theo tiến độ của nhà thầu thực hiện công việc Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi với tổng thời gian là 734 ngày.

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phần công việc hoàn thành: Dự kiến hoàn thành ngày 31/12/2025.

Điều 2: Điều khoản chung

2.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Phụ lục Hợp đồng này;

2.2 Các điều khoản khác của Hợp đồng 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ đã ký ngày 29 tháng 12 năm 2024 và phụ lục hợp đồng số 05.01/PLHĐ ngày 25/12/2024 không thuộc phạm vi điều chỉnh của phụ lục này vẫn giữ nguyên giá trị thực hiện;

2.3 Phụ lục Hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng số 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ đã ký ngày 29 tháng 12 năm 2024 và phụ lục hợp đồng số 05.01/PLHĐ ngày 25/12/202. Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Scanned with CamScanner

Phụ lục hợp đồng này được lập thành 08 bản bằng tiếng việt, có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 06 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU GIÁM ĐỐC	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ CHỦ TỊCH
Trần Đình Kiên	Phùng Trung Dũng

Mẫu số 03.a/TT

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính Phủ)

Tên dự án: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định Mã dự án: 7177529

Tên gói thầu: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

- Căn cứ Hợp đồng số 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 và phụ lục hợp đồng số 05.01/PLHĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán số (trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): 90/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023.

Chủ đầu tư: Uỷ ban nhân dân xã Thành Lợi

Nhà thầu: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất.

Thanh toán lần thứ: I

Căn cứ xác định:

- Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình sản phẩm, ngày 25 tháng 12 năm 2024;

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá thanh toán Theo dự toán	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
			Khối lượng theo hợp đồng	Thực hiện			Theo hợp đồng	Thực hiện		
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này		Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
1	Lưới địa chính	Gói	100%		100%	100%	57.679.344	57.679.344		57.679.344	57.679.344	
2	Đo vẽ lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000		100%		92,2%	92,2%	1.258.636.847	1.258.636.847		1.160.973.328	1.160.973.328	
3	Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận QSD đất		100%		16,7%	16,7%	2.788.784.600	2.788.784.600		464.861.480	464.861.480	
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính		100%		0%	0%	456.746.979	456.746.979		0	0	
	TỔNG SỐ (đã bao gồm thuế GTGT)						**4.561.847.770**		**1.683.514.152**	**1.683.514.152**	

1. Giá trị hợp đồng: 4.561.847.770 đồng
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: 1.000.000.000 đồng
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: 0 đồng
4. Luỹ kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: 1.683.514.152 đồng
5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng: 1.000.000.000 đồng
6. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này: 599.338.444 đồng

Số tiền bằng chữ: Năm trăm chín mươi chín triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng./. (là số tiền giải ngân kỳ này). Trong đó:

Tạm ứng: 0 đồng

Thanh toán khối lượng hoàn thành: 599.338.444 đồng

Scanned with CamScanner

7. Luỹ kế giá trị giải ngân: 1.599.338.444 đồng

Tạm ứng: 0 đồng

Thanh toán khối lượng hoàn thành: 1.599.338.444 đồng

Thành Lợi, ngày tháng năm 2024

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

M.S.D.N: 0101074338 C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT
Q. HAI BÀ TRƯNG - TP HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Hiên

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

U.B.N.D XÃ THÀNH LỢI T. NAM ĐỊNH

CHỦ TỊCH

PHÙNG TRUNG DŨNG

Scanned with CamScanner

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số thuế: **0101074336**

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428 Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499 NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 30 tháng 12 năm 2024

Mã của cơ quan thuế: **004913DB9E4A394F829F611CB3DD58BDAE**

Ký hiệu: **1C24TMD**

Số: **207**

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **UỶ BÂN NHÂN DÂN XÃ THÀNH LỢI**

Địa chỉ: Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Số tài khoản: 9552.4.7177529 Tại: Kho bạc nhà nước huyện Vụ Bản.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản **Mã số thuế:** **0600153600**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4x5*
1	Giá trị thanh toán lần 1 gói thầu: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định theo hợp đồng 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ, ký ngày 29/12/2023 và phụ lục hợp đồng số 05.01/LPHĐ.	Gói thầu	1	1.558.809.400	1.558.809.400
			Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:		**1.558.809.400**
	Thuế suất GTGT: **8%**		**Tiền thuế GTGT:**		**124.704.752**
			Tổng tiền thanh toán:		**1.683.514.152**

Số tiền bằng chữ: **Một tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu năm trăm mười bốn nghìn một trăm năm mươi hai đồng**

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 30/12/2024 17:00:16

Tra cứu hóa đơn tại website: https://tracuuhoadon.minvoice.vn/ Mã tra cứu: **19D5698FD7B20E68**

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoá số dư đky 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành Lợi, ngày 27 tháng 5 năm 2025

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM

Hạng mục công trình: Đăng ký đất đai trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

- Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Căn cứ Quyết định 83/2000/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia Việt Nam;

- Căn cứ Thông tư 973/2001/TT - TCĐC ngày 20 tháng 6 năm 2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000;

- Căn cứ Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính;

- Căn cứ Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

- Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi Về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán dự án: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

- Căn cứ Hợp đồng số 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ ngày 29/12/2023 giữa Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi và Công ty TNHH tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc thực hiện gói thầu: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Scanned with CamScanner

- Chủ đầu tư công trình: Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi.

- Đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất.

- Đơn vị kiểm tra: Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật.

Các bên tiến hành nghiệm thu :

- Đại diện chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi:

+ Ông: Phùng Trung Dũng Chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

+ Ông: Phạm Đăng Thái Chức vụ: Công chức địa chính xã.

Cùng đại diện các xóm nơi thực hiện dự án.

- Đại diện đơn vị kiểm tra: Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật:

+ Ông: Nguyễn Trường Xuân Chức vụ: Giám đốc;

+ Ông: Vũ Minh Kha Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật;

+ Ông: Nguyễn Thị Ngọc Hà Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật;

- Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất:

+ Ông: Trần Đình Kiên Chức vụ: Giám đốc;

+ Ông: Nguyễn Đình Tuyến Chức vụ: Chủ nhiệm công trình;

+ Ông: Dương Văn Toán Chức vụ: Quản lý kỹ thuật;

Các bên lập biên bản nghiệm thu công trình như sau:

1. Công tác thi công công trình: Quá trình tổ chức thực hiện đơn vị thi công tuân thủ theo sơ đồ quy trình đo vẽ, lập bản đồ địa chính đã nêu trong Thiết kế kỹ thuật - Dự toán được duyệt. Cụ thể như sau:

1.1. Công tác chuẩn bị:

- Rà soát thu thập số liệu về bản đồ và sổ bộ địa chính đã lập trước đây, hiện đang lưu giữ tại Uỷ ban nhân dân xã, khảo sát thực tế, thống nhất với UBND xã để lập kế hoạch triển khai đăng ký đất đai, cấp và đổi GCN, lập lại hồ sơ địa chính trên địa bàn các xã.

- Thu thập, chuẩn bị hồ sơ tài liệu, gồm: Bản đồ địa chính, sổ mục kê, sổ địa chính, các giấy tờ về quyền sử dụng đất, chuẩn bị vật tư, biểu mẫu sổ sách cần thiết để phục vụ cho công tác đăng ký. Tập huấn chuyên môn cho lực lượng tham gia Tổ đăng ký đất đai.

- Lập kế hoạch chi tiết gửi UBND xã và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đã lập.

- Soạn thông báo và thống nhất với UBND xã, để thông báo lịch, thời gian, địa điểm đăng ký trên đài phát thanh thành phố và Đài truyền thanh cấp xã để

Scanned with CamScanner

người sử dụng đất biết đến đăng ký đầy đủ, đúng thời gian quy định và các giấy tờ nguồn gốc đất kèm theo.

- Đơn vị thi công đã phối hợp cùng Ủy ban Nhân dân xã, các xóm, các khu dân cư và các tổ chức xã hội đóng trên địa bàn xã, tiến hành họp triển khai kế hoạch thi công, tuyên truyền sâu rộng trên hệ thống truyền thanh về mục đích, yêu cầu và các giải pháp thực hiện.

- Thành lập tổ đăng ký tổ đăng ký Công chức địa chính cấp xã, các cán bộ xóm, cán bộ thực hiện công tác kê khai.

- Chuẩn bị địa điểm, các tài liệu, bản đồ, bảng tham chiếu, sổ mục kê, đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Niêm yết thông báo danh mục các giấy tờ nguồn gốc đất kèm theo tại các địa điểm đăng ký.

1.2. Kê khai đăng ký đất đai.

Công tác kê khai đăng ký đất đai được thực hiện theo hướng dẫn trong Nghi định 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.

Tổ đăng ký đất đai chia thành 03 bộ phận, thực hiện các công việc sau

Bộ phận thứ nhất: Hướng dẫn người sử dụng đất lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận.

- Hướng dẫn người sử dụng đất nhận biết được các thửa đất đang sử dụng bản đồ địa chính. Để tránh nhầm lẫn cần kiểm tra các thông tin tứ cận của thửa đất với người sử dụng đất;

- Phát bộ mẫu đơn đã chuẩn bị sẵn cho dân khai.

Bộ phận thứ hai: Nhận hồ sơ xin cấp đổi GCN, cấp lần đầu GCN Người dân kê khai xong bộ hồ sơ, nộp lại tổ đăng ký kèm theo các loại giấy tờ liên quan (nếu có).

- Kiểm tra tính pháp lý và tính đầy đủ của hồ sơ, hướng dẫn người sử dụng đất bổ sung hồ sơ hoàn chỉnh nếu hồ sơ cong thiếu sót.

Bộ phận thứ ba: Phân loại, kiểm tra thực địa, nhập thông tin thuộc tính và luân chuyển hồ sơ:

- Phân loại, sắp xếp tổng hợp hồ sơ thành từng dạng cụ thể, nhập thông tin thuộc tính hồ sơ. Phối hợp UBND xã xác minh thực địa khi có yêu cầu;

Công tác kê khai đăng ký đất đai được thực hiện cho tất cả các thửa đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vị địa giới hành chính xã.

Việc kê khai đăng ký đất đai tiến hành lần lượt theo địa bàn từng tổ dân cư, từng xóm cho tất cả các đối tượng đang sử dụng đất, khi kết thúc đăng ký tại địa bàn ấp này, thì chuyển sang địa bàn xóm khác cho đến khi kết thúc toàn khu vực.

Scanned with CamScanner

Sau khi kết thúc thời gian đăng ký tại các xóm, Tổ đăng ký tổ chức đăng ký vét tại UBND xã.

Người sử dụng đất phải thực hiện kê khai đầy đủ nội dung trong đơn mà Tổ Đăng ký phát, ký tên vào bộ đơn, nộp lại hồ sơ cho tổ đăng ký.

1.3. Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu:

Để đảm bảo các hạng mục công việc công đoạn được thực hiện đúng quy trình, quy phạm; đúng thiết kế kỹ thuật-dự toán đã phê duyệt; đảm bảo thời gian, chất lượng của sản phẩm; giải quyết kịp thời những phát sinh, vướng mắc trong quá trình thi công. Sau khi đội sản xuất tiến hành công việc tổ kiểm tra, quản lý kỹ thuật (KCS) của Trung tâm đã tổ chức giám sát, kiểm tra từng bước công việc trong quá trình thi công theo hình thức cuốn chiếu, thực hiện xong hạng mục nào tiến hành giám sát, kiểm tra ngay hạng mục đó.

Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất chịu trách nhiệm về toàn bộ sản phẩm làm ra của công đoạn, Công ty giao cho tổ kiểm tra chịu trách nhiệm trực tiếp giám sát thi công, tổ chức kiểm tra nghiệm thu chất lượng, khối lượng và tiến độ thi công công đoạn theo từng nội dung hạng mục công việc, theo từng cấp tổ và cấp đơn vị thi công. Các tổ, đội sản xuất kiểm tra 100% các sản phẩm đã thực hiện, bộ phận Quản lý kỹ thuật, giám sát công trình của Công ty kiểm tra theo qui định hiện hành; thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định.

2. Các bên đã xem xét các văn bản và các sản phẩm sau đây:

a. Các văn bản:

- Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp thi công;
- Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư;
- Các sản phẩm đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo.

b. Khối lượng, mức độ khó khăn và chất lượng các sản phẩm của các hạng mục công việc đã kiểm tra:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công		Nghiệm thu		Đánh giá
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	
	Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận QSD đất			**4.970**		**3.969**		**3.969**	
1	**Cấp giấy chứng nhận lần đầu**		**1**	**263**		**0**		**0**	
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn xã, thị trấn	Hồ sơ	1	263	1	0	1	0	Đạt yêu cầu
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn cấp huyện	Hồ sơ	1	263	1		1		Đạt yêu cầu
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn cấp tỉnh	Hồ sơ	1	263	1		1		Đạt yêu cầu
2	**Cấp đổi giấy chứng nhận**			**4.707**		**3.969**		**3.969**	

Scanned with CamScanner

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công		Nghiệm thu		Đánh giá
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	
2.1	***Cấp đổi GCN không thay đổi về mục đích sử dụng đất, ranh giới thửa đất***		*1*	*580*					
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn xã, thị trấn	Hồ sơ	1	580	1		1		Đạt yêu cầu
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn cấp huyện	Hồ sơ	1	580	1		1		Đạt yêu cầu
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn cấp tỉnh	Hồ sơ	1	580	1		1		Đạt yêu cầu
2.2	**Cấp đổi GCN có thay đổi về mục đích sử dụng đất, ranh giới thửa đất**		**1**	**4.127**	**1**	**3.969**	**1**	**3.969**	
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn xã, thị trấn	Hồ sơ	1	4.127	1	3.969	1	3.969	Đạt yêu cầu
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn cấp huyện	Hồ sơ	1	4.127	1		1		Đạt yêu cầu
-	Các nội dung thực hiện tại địa bàn cấp tỉnh	Hồ sơ	1	4.127	1		1		Đạt yêu cầu

3. Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu kiểm tra, nghiệm thu, các bên xác nhận những điểm sau đây:

a. Về thời gian thực hiện công đoạn công trình:

- Bắt đầu: tháng 01 năm 2024;

- Kết thúc: tháng 5 năm 2025;

b. Về khối lượng đã hoàn thành: Công ty TNHH tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất đã hoàn thành hạng mục: Đăng ký đất đai trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Với khối lượng như sau:

- Hồ sơ đăng ký đất đai lần đầu gồm 0 hồ sơ (tương ứng với 0 thửa đất).

- Hồ sơ đăng ký cấp đổi gồm 3.969 hồ sơ (tương ứng với 3.969 thửa đất).

c. Về chất lượng: Sản phẩm Đăng ký đất đai trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đảm bảo các yêu cầu theo quy định hiện hành của Nhà nước và các yêu cầu kỹ thuật trong Thiết kế kỹ thuật - Dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d. Sản phẩm chuẩn bị giao nộp: Công đoạn Đăng ký đất đai trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định giao nộp đã được chuẩn bị đầy đủ và bảo đảm chất lượng theo quy định trong Thiết kế kỹ thuật - dự toán đã phê duyệt.

đ. Mức độ khó khăn: Chấp nhận mức khó khăn theo thiết kế kỹ thuật dự toán.

e. Về những thay đổi trong quá trình thi công so với thiết kế:

- Về khối lượng phát sinh:.

- Về việc thay đổi thiết kế đã được duyệt: Không

Scanned with CamScanner

4. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu các sản phẩm với khối lượng hoàn thành nêu ở Mục 2.b.
- Chấp nhận mức độ khó khăn theo thiết kế kỹ thuật –dự toán đã được phê duyệt.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KIỂM TRA	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC PGS.TS. Trần Đình Kiên	GIÁM ĐỐC PGS.TS. Nguyễn Trường Xuân	CHỦ TỊCH PHÙNG TRUNG DŨNG

Scanned with CamScanner

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số thuế: **0101074336**

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428 Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499 NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 23 tháng 06 năm 2025

Mã của cơ quan thuế: **0029438165FBD24EB0B4D1CE9FE01DC177**

Ký hiệu: **1C25TMD**

Số: **104**

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ THÀNH LỢI**

Địa chỉ: Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Số tài khoản: 9.552.4.7177529 Tại: Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc nhà nước khu vực IV.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản **Mã số thuế:** **0600153600**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4x5*
1	Giá trị thanh toán lần 2 gói thầu: Đo đạc bản đồ địa chính đất khu dân cư tỷ lệ 1/1000; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định theo hợp đồng 05/2023/HĐ-ĐĐBĐ, ký ngày 29/12/2023 và phụ lục hợp đồng số 05.01/LPHĐ.	Gói thành	1	601.654.456	601.654.456

Tỷ giá:	1 VND /VND	**Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:**	**601.654.456**
Quy đổi:	649.786.812 VND	**Tiền thuế GTGT:**	**48.132.356**
	Thuế suất GTGT: 8%	**Tổng tiền thanh toán:**	**649.786.812**

Số tiền bằng chữ: **Sáu trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm mười hai đồng**

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 23/06/2025 09:31:41

Tra cứu hóa đơn tại website: https://tracuuhoadon.minvoice.vn/ Mã tra cứu: **DA15B0CA121986C9**

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoá số dư đky 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)